

Số: ~~716~~ /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày ~~13~~ tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Cao Bằng” sử dụng vốn vay Nhật Bản

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3607/BKHĐT-KTĐN ngày 02 tháng 6 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Cao Bằng” sử dụng vốn vay Nhật Bản với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Cao Bằng.

2. Nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA).

3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

4. Mục tiêu, quy mô:

a) Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: hỗ trợ đồng bào dân tộc thuộc phạm vi Dự án vươn lên làm giàu, thay đổi nhận thức, tư duy, cách làm, phương thức sản xuất theo hướng chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp từ nhỏ lẻ sang sản xuất quy mô lớn phù hợp với cơ chế thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép với các dự án trong cùng lĩnh vực tạo ra sự cộng hưởng, phát triển tổng hợp một cách bền vững, từng bước xóa bỏ cách biệt về phát triển giữa các vùng, tạo sự đoàn kết giữa các dân tộc; góp phần ổn định an ninh, chính trị khu vực phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 204 với chiều dài 18,3 km từ đường cấp VI miền núi lên đường cấp IV miền núi; kết nối có hiệu quả với hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông khu vực, tăng cường năng lực vận tải, từng bước xóa đói giảm nghèo, ổn định dân cư, thúc đẩy phát triển dân sinh, kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Cấp nước sinh hoạt vùng cao huyện Nguyên Bình, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng: xây dựng 12 hồ chứa rải địa kỹ thuật và các hạng mục kỹ thuật khác.

+ Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện dân sinh của người dân khu vực dự án và khu vực lân cận.

b) Quy mô: Dự án gồm 02 tiểu dự án:

- Tiểu dự án cấp nước sinh hoạt vùng cao: xây dựng 12 hồ chứa nước, hệ thống đường ống dẫn nước và các hạng mục kỹ thuật khác tại huyện Nguyên Bình và huyện Trùng Khánh.

- Tiểu dự án giao thông: cải tạo nâng cấp đường tỉnh 204 (đoạn thị trấn Thông Nông – xã Cấn Yên), huyện Hà Quảng: cải tạo, nâng cấp 18,3 km đường từ cấp VI miền núi lên đường cấp IV miền núi.

5. Địa điểm: Dự án được thực hiện trên địa bàn 03 huyện: Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

6. Thời gian thực hiện: 04 năm kể từ ngày ký Hiệp định.

7. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư: 299,006 tỷ đồng, tương đương 1.465 triệu Yên, tương đương 12,899 triệu đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn vay ODA: 1.110 triệu Yên, tương đương 9,769 triệu USD, tương đương 226,442 tỷ đồng.

b) Vốn đối ứng: 72,564 tỷ đồng, tương đương 3,130 triệu USD, tương đương 355 triệu Yên.

8. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại:

- Đối với vốn vay ODA: ngân sách trung ương cấp phát 90%, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng vay lại 10%.

- Đối với vốn đối ứng: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng bố trí toàn bộ vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương.

9. Các hoạt động của Dự án sử dụng vốn vay ODA ngoài phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng, chi phí tư vấn thiết kế.

Điều 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi công hàm cho Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam đề nghị Chính phủ Nhật Bản cung cấp vốn vay cho Dự án.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng:

- Tiếp thu các ý kiến góp ý nêu tại Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án để hoàn thiện, thẩm định, phê duyệt đầu tư theo quy định hiện hành.

- Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên, bố trí nguồn lực và báo cáo cấp có thẩm quyền để bổ sung Dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về nội dung, số liệu báo cáo và hiệu quả đầu tư của Dự án, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Ngoại giao, Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTg, PTTg TT Phạm Bình Minh;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Xuân Thành, các Vụ: KTTH, TH;
- Lưu: VT, QHQT (2). HQ. 5

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



*Phạm Bình Minh